

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI & LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số: 655/KCKL-TCKT

V/v: Công bố BCTC 06 tháng đầu năm 2021 đã
Kiểm toán của PXS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 08 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (Hose)

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;
Mã chứng khoán: PXS

Địa chỉ trụ sở chính: 02, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Tp Vũng
Tàu;

Điện thoại : (0254) 3.848.404 Fax: (0254) 3.848.229

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Ngọc Tú – Kế toán trưởng

Địa chỉ : 02, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Tp Vũng Tàu;

Loại thông tin công bố: 24h Bất thường Định kỳ Theo yêu
cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC MS) xin
công bố thông tin: Báo cáo Tài chính 06 tháng đầu năm 2021 đã Kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công
ty đại chúng tại đường dẫn <http://pvc-ms/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; GD (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- CBTT trên Website Cty;
- Lưu: VT, TC-KT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRƯỞNG PHÒNG TCKT
Phạm Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tháng 8 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 37

02/11/2011
CỔ
CIE
V
VH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch
Ông Liam Hau Guan	Thành viên
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Đinh Văn Tân	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Phan Khắc Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 14/01/2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Tân - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

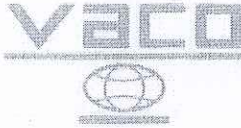
Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đinh Văn Tân
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 8 năm 2021

HA / O / AN 7/8

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 366 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/8/2021, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Văn Phòng Hồ Chí Minh
Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng Hải Phòng
Manhattan số 05-04, khu Vinhomes Imperia
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với Báo cáo soát xét số 0331/2020/BCSX-KTV ngày 15/8/2020 đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến khoản doanh thu sai kỳ tại thời điểm đầu năm 2020 và phân bổ các khoản trích theo lương phát sinh năm 2019 tại Cảng Sao Mai Bến Đình cho các dự án không thực hiện tại công trình này; Báo cáo kiểm toán số 0211/2021/BCTC-KTV ngày 30/3/2021 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ cùng vấn đề đã nêu tại báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		767.213.359.817	692.689.174.424
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	178.556.755.911	65.662.030.920
1. Tiền	111		142.635.115.336	37.492.329.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.921.640.575	28.169.701.747
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.258.707.904	225.503.335.807
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	267.918.895.457	328.658.124.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.139.901.204	3.443.711.820
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.842.183.833	10.197.733.880
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(115.642.272.590)	(116.796.234.011)
III. Hàng tồn kho	140	9	400.530.787.393	384.838.006.748
1. Hàng tồn kho	141		516.438.525.131	500.745.744.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(115.907.737.738)	(115.907.737.738)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.867.108.609	16.685.800.949
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	509.147.923	909.935.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.838.641.689	4.910.018.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	10.519.318.997	10.865.846.979
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		598.120.844.743	625.911.939.018
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		472.209.808.301	494.713.329.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	461.727.647.859	483.974.516.892
- Nguyên giá	222		935.285.398.388	937.890.117.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.557.750.529)	(453.915.600.514)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	10.482.160.442	10.738.812.746
- Nguyên giá	228		28.555.904.162	28.555.904.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.073.743.720)	(17.817.091.416)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	26.268.078.940	25.029.241.345
- Nguyên giá	231		38.375.115.309	35.704.384.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.107.036.369)	(10.675.143.493)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.593.639.558	1.593.639.558
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.593.639.558	1.593.639.558
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	50.000.000	50.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.050.000.000	5.050.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		97.994.317.944	104.520.728.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	97.994.317.944	104.520.728.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.365.334.204.560	1.318.601.113.442

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.021.945.082.156	977.577.077.852
I. Nợ ngắn hạn	310		1.020.531.998.328	974.687.775.098
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	600.197.455.790	408.332.048.224
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	87.045.004.494	143.212.671.713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	23.838.054.038	23.728.328.038
4. Phải trả người lao động	314		25.397.806.741	25.636.866.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	111.865.330.265	228.670.425.835
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		57.545.455	3.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	26.958.570.528	16.023.541.676
8. Vay ngắn hạn	320	20	136.502.494.612	120.279.267.267
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.951.288.505	4.037.377.467
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.718.447.900	4.764.247.900
II. Nợ dài hạn	330		1.413.083.828	2.889.302.754
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		536.457.428	584.629.733
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	876.626.400	774.188.400
3. Vay dài hạn	338	20	-	1.530.484.621
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		343.389.122.404	341.024.035.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	343.389.122.404	341.024.035.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.251.400.000	13.251.400.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.258.894.332	92.258.894.332
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(362.121.151.928)	(364.486.238.742)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(364.486.238.742)	(367.872.276.112)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.365.086.814	3.386.037.370
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.365.334.204.560	1.318.601.113.442



Đinh Văn Tân
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Phạm Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		556.257.123.546		476.739.332.457	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	24	556.257.123.546		476.739.332.457	
3. Giá vốn hàng bán	11	25	537.394.230.800		451.297.784.322	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.862.892.746		25.441.548.135	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	536.927.395		456.085.175	
6. Chi phí tài chính	22	28	5.267.523.325		4.916.140.542	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.169.671.918		4.871.128.953	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.826.321.972		19.717.349.067	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		305.974.844		1.264.143.701	
9. Thu nhập khác	31		2.769.529.483		104.036.417	
10. Chi phí khác	32		710.417.513		773.403.267	
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.059.111.970		(669.366.850)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.365.086.814		594.776.851	
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-		(1.307.287.569)	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.365.086.814		1.902.064.420	
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31		39		32



Đình Văn Tân
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Phạm Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.365.086.814	594.776.851
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	21.391.434.690	26.368.882.320
- Các khoản dự phòng	03	(1.240.050.383)	4.899.877.266
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.706.711	(202.235.193)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(519.046.875)	142.001.396
- Chi phí lãi vay	06	5.169.671.918	4.871.128.953
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.169.802.875	36.674.431.593
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	54.843.737.856	(131.980.920.770)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.692.780.645)	(88.280.367.434)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	29.552.476.651	120.052.256.593
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.927.197.832	(14.432.233.501)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.616.462.252)	(6.237.060.976)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(407.454.183)	(1.664.893.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	97.776.518.134	(85.868.788.144)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(66.011.453)	(436.353.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	1.727.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	491.803.384	190.975.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	425.791.931	1.481.895.518
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	244.098.722.043	64.798.846.942
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(229.405.979.319)	(51.566.562.427)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(12.994.955.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.692.742.724	237.329.511
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	112.895.052.789	(84.149.563.115)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	65.662.030.920	102.507.019.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(327.798)	(32.049.782)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	178.556.755.911	18.325.406.329



Đình Văn Tân
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Phạm Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500834094 đăng ký lần đầu ngày 26/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/7/2020.

Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND chia thành 60.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2021 là 962 người (tại ngày 01/01/2021 là 962 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp (Hoạt động chính);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án; Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phần nhiệt và điện lạnh công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ khí công trình dầu khí; Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Công trình điện áp dưới 220KV; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nâng cao CBCN kỹ thuật chuyên ngành;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; Kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền và ngoài biển;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải bằng xe ô tô, container;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí; Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ; Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Xí nghiệp Dịch vụ Cảng	Khu căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn là 253.318.638.511 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 281.998.600.674 VND), ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng trong năm tới Công ty tiếp tục tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và cải thiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 14;
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Chi phí thuê được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 49 năm kể từ ngày 16/9/2010.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Công ty có quyền sử dụng đất tại Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 3.570,9 m², thời hạn sử dụng 32 năm.

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là phần diện tích sàn Tầng 01, 02 và 03 của công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình; Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật; Dự phòng bảo trì kinh phí của các căn hộ chung cư.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

12/11/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí VN (PVC)	Công ty mẹ
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	Cùng chủ sở hữu (PVC)
CN xây lắp công trình dầu khí Phía Bắc - PVC	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Trường cao đẳng nghề dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty mẹ
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty TNHH Công đoàn Dầu khí Việt X6	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí VN	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng tàu	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Trường đại học dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Chi nhánh giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam (PV NDT)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PV OIL Vũng Tàu)	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyards)	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với PVC)
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	50.526.804	123.753.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	142.584.588.532	37.368.575.453
Các khoản tương đương tiền	35.921.640.575	28.169.701.747
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>35.921.640.575</i>	<i>28.169.701.747</i>
Cộng	<u>178.556.755.911</u>	<u>65.662.030.920</u>

- (i) Trong số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm 1.858.411.997 VND (tại ngày 01/01/2021 là 1.857.755.236 VND) là tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Bên liên quan	29.884.595.823	56.189.045.936
Ban điều hành dự án nhà máy nhiệt điện Thái bình 2	25.666.107.798	44.345.530.605
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	1.240.959.367	1.240.959.367
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	1.120.898.125	2.902.411.052
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	851.887.535	562.347.790
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	210.186.648	325.998.117
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.156.144	200.156.144
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	195.228.500	195.228.500
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	194.186.345	6.285.214.745
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	117.830.216	117.830.216
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	57.285.745	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	16.500.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	13.369.400	13.369.400
b) Đối tượng khác	238.034.299.634	272.469.078.182
Ban quản lý dự án công trình DK I	104.867.325.999	116.734.967.999
Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	80.386.292.526	108.251.012.834
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (Lilama)	22.680.256.219	22.918.044.568
Khác	30.100.424.890	24.565.052.781
Cộng	267.918.895.457	328.658.124.118

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Bên liên quan	6.125.717.406	1.072.238.743
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	5.053.478.663	-
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	718.342.062	718.342.062
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	353.896.681
b) Đối tượng khác	2.014.183.798	2.371.473.077
Cộng	8.139.901.204	3.443.711.820

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	10.842.183.833	(744.340.542)	10.197.733.880	(770.799.782)
Tạm ứng cho nhân viên	3.241.542.237	(314.739.631)	1.769.843.075	(314.739.631)
Ký quỹ, ký cược	5.075.773.545	-	6.037.381.793	-
Khác	2.524.868.051	(429.600.911)	2.390.509.012	(456.060.151)
b) Dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	10.847.183.833	(744.340.542)	10.202.733.880	(770.799.782)

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Bình, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

MẪU SỐ B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>a) Phải thu khách hàng</i>				
Ban Quản lý dự án DKI	115.301.291.530	757.256.163	117.015.985.887	1.344.448.339
Ban quản lý dự án SB - Cảng xuất SP NMLD DQ	104.867.326.000	-	104.867.326.000	(104.867.326.000)
	3.658.243.771	-	3.658.243.771	(3.658.243.771)
Phí vận hành chung cư	766.677.002	-	766.677.002	(766.677.002)
Công ty TNHH xây lắp Nhật Minh	617.267.228	-	617.267.228	(617.267.228)
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng PTSC	-	-	553.038.200	(553.038.200)
MEPCOM OFFSHORE AND MARINE PTE LTD	249.213.690	-	249.213.690	(249.213.690)
Công ty Cổ phần thi công cơ giới & Lắp máy DK (PVC-ME)	200.156.144	-	200.156.144	(200.156.144)
Công ty CP Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	-	195.228.500	(195.228.500)
Tiền sử dụng điện, nước sinh hoạt của các hộ chung cư	189.819.000	-	189.819.000	(189.819.000)
Tiền gửi xe	180.000.003	-	180.000.003	(180.000.003)
Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà	137.808.361	41.342.508	137.808.361	41.342.508
Khách hàng khác	4.239.551.831	715.913.655	5.401.207.988	1.303.105.831
<i>b) Trả trước cho người bán</i>				
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An - Bến liên quan	353.896.681	-	353.896.681	(353.896.681)
	353.896.681	-	353.896.681	(353.896.681)
<i>c) Phải thu khác</i>				
Huỳnh Kim Quy	744.340.542	-	770.799.782	(770.799.782)
Phạm Hải Nam	530.837.752	-	530.837.752	(530.837.752)
Phí trước bạ phải thu các hộ dân	133.000.000	-	133.000.000	(133.000.000)
	80.502.790	-	106.962.030	(106.962.030)
Cộng	116.399.528.753	757.256.163	118.140.682.350	(116.796.234.011)

(NH) (K) (M) (C) (S)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.436.093.716	(80.830.800)	2.456.864.304	(80.830.800)
Công cụ, dụng cụ	4.167.991.695	-	4.192.296.389	-
Chi phí SXKD dở dang	510.834.439.720	(115.826.906.938)	494.096.583.793	(115.826.906.938)
Cộng	516.438.525.131	(115.907.737.738)	500.745.744.486	(115.907.737.738)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	509.147.923	909.935.222
Công cụ dụng cụ xuất dùng	462.397.723	725.054.810
Chi phí khác	46.750.200	184.880.412
b) Dài hạn	97.994.317.944	104.520.728.477
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	85.267.271.844	86.313.551.892
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.727.046.100	18.207.176.585
Cộng	98.503.465.867	105.430.663.699

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã nộp/thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.394.439.899	-	-	10.394.439.899
Thuế thu nhập cá nhân	471.407.080	807.212.830	(460.684.848)	124.879.098
Cộng	10.865.846.979	807.212.830	(460.684.848)	10.519.318.997
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	23.708.037.945	9.632.759.360	(9.502.743.267)	23.838.054.038
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.938.954.920	(2.938.954.920)	-
Thuế nhập khẩu	-	363.917.486	(363.917.486)	-
Các loại thuế, phí khác	20.290.093	74.674.674	(94.964.767)	-
Cộng	23.728.328.038	13.010.306.440	(12.900.580.440)	23.838.054.038

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

MÃ SỐ B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	671.029.987.226	220.992.695.666	35.180.455.074	10.686.979.440	937.890.117.406
- Mua trong kỳ	-	-	-	46.354.545	46.354.545
- Giảm do chuyển sang Bất động sản đầu tư	(2.651.073.563)	-	-	-	(2.651.073.563)
Số dư cuối kỳ	668.378.913.663	220.992.695.666	35.180.455.074	10.733.333.985	935.285.398.388
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	245.614.204.520	163.486.034.843	34.157.715.226	10.657.645.925	453.915.600.514
- Khấu hao trong kỳ	13.279.459.822	6.765.702.560	443.441.513	13.334.738	20.501.938.633
- Giảm do chuyển sang Bất động sản đầu tư	(799.049.123)	-	-	-	(799.049.123)
- Giảm khác	(60.739.495)	-	-	-	(60.739.495)
Số dư cuối kỳ	258.033.875.724	170.251.737.403	34.601.156.739	10.670.980.663	473.557.750.529
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	425.415.782.706	57.506.660.823	1.022.739.848	29.333.515	483.974.516.892
Tại ngày cuối kỳ	410.345.037.939	50.740.958.263	579.298.335	62.353.322	461.727.647.859

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 190.412.884.031 VND (ngày 01/01/2021 là 164.332.827.964 VND).

Một số tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay (xem Thuyết minh số 20) với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2021 là 76.107.811.479 VND (ngày 01/01/2021 là 74.950.982.444 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	15.166.470.000	13.389.434.162	28.555.904.162
Số dư cuối kỳ	15.166.470.000	13.389.434.162	28.555.904.162
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4.833.328.883	12.983.762.533	17.817.091.416
- Khấu hao trong kỳ	206.834.304	49.818.000	256.652.304
Số dư cuối kỳ	5.040.163.187	13.033.580.533	18.073.743.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	10.333.141.117	405.671.629	10.738.812.746
Tại ngày cuối kỳ	10.126.306.813	355.853.629	10.482.160.442

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 13.090.526.162 VND (ngày 01/01/2021 là 13.090.526.162 VND).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	35.704.384.838	35.704.384.838
- Tăng do Tài sản cố định hữu hình chuyển sang	2.651.073.563	2.651.073.563
- Tăng khác	19.656.908	19.656.908
Số dư cuối kỳ	38.375.115.309	38.375.115.309
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	10.675.143.493	10.675.143.493
- Khấu hao trong kỳ	632.843.753	632.843.753
- Tăng do Tài sản cố định hữu hình chuyển sang	799.049.123	799.049.123
Số dư cuối kỳ	12.107.036.369	12.107.036.369
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	25.029.241.345	25.029.241.345
Tại ngày cuối kỳ	26.268.078.940	26.268.078.940

Danh mục Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021:

Đơn vị: VND

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Công ty PVD Tech (11.333.5)	469.562.845	148.227.256	321.335.589
Công ty Viettel (11.333.2)	328.693.992	103.759.086	224.934.906
Alpha - ECC	34.906.128.001	11.018.230.233	23.887.897.768
Căn nhà 28 Nguyễn Hữu Cảnh	19.656.908	-	19.656.908
Cathay	2.651.073.563	836.819.794	1.814.253.769
Cộng	38.375.115.309	12.107.036.369	26.268.078.940

Công ty đã dùng toàn bộ Bất động sản đầu tư để thế chấp cho các khoản vay (xem Thuyết minh số 20).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	5.000.000.000
Cộng	5.050.000.000	-	(5.000.000.000)	5.050.000.000
				(5.000.000.000)

(i) Đến thời điểm 30/6/2021, số Lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu do đó Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% trên giá trị khoản đầu tư.

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>n) Bên liên quan</i>	<i>54.419.296.787</i>	<i>54.419.296.787</i>	<i>53.395.249.501</i>	<i>53.395.249.501</i>
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	21.113.932.671	21.113.932.671	20.746.507.509	20.746.507.509
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	9.134.747.744	9.134.747.744	6.268.409.073	6.268.409.073
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petroselco	3.497.574.970	3.497.574.970	3.497.574.970	3.497.574.970
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	2.500.181.167	2.500.181.167	3.507.577.674	3.507.577.674
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCPC (PVE)	2.274.571.394	2.274.571.394	2.274.571.394	2.274.571.394
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí VN	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.564.723.844	1.564.723.844	1.714.723.844	1.714.723.844
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PV OIL Vũng Tàu)	1.471.167.731	1.471.167.731	1.975.800.851	1.975.800.851
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	1.044.106.790	1.044.106.790	1.044.106.790	1.044.106.790
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	989.874.839	989.874.839	989.874.839	989.874.839
Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	979.761.847	979.761.847	606.113.697	606.113.697
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	900.073.363	900.073.363	1.100.073.363	1.100.073.363
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	465.010.000	465.010.000	472.138.000	472.138.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	397.877.829	397.877.829	397.877.829	397.877.829
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam	358.472.938	358.472.938	664.405.938	664.405.938
Chi nhánh xây lắp công trình dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483	278.440.483	278.440.483
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	254.760.000	254.760.000	-	-
Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS	165.884.625	165.884.625	165.884.625	165.884.625
Trường cao đẳng nghề dầu khí	151.456.312	151.456.312	246.555.998	246.555.998
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650	135.220.650	135.220.650
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng tàu	124.665.382	124.665.382	325.685.926	325.685.926
Trường đại học dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000	109.000.000	109.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	47.347.070	47.347.070	47.347.070	47.347.070
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	44.000.000	44.000.000	44.000.000	44.000.000
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	24.000.000	24.000.000	32.000.000	32.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	12.710.870	12.710.870	-	-
Chi nhánh giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam (PV NDT)	-	-	371.624.710	371.624.710
<i>h) Đối tượng khác</i>	<i>545.778.159.003</i>	<i>545.778.159.003</i>	<i>354.936.798.723</i>	<i>354.936.798.723</i>
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	131.255.962.075	131.255.962.075	22.069.082.919	22.069.082.919
Cyclotech Engineering Pte Ltd	79.015.959.130	79.015.959.130	13.410.997.068	13.410.997.068
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH một thành viên	61.855.536.839	61.855.536.839	66.855.536.839	66.855.536.839
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu Khí Miền Nam - ALPHA	47.693.404.421	47.693.404.421	48.045.769.083	48.045.769.083
Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	28.531.286.478	28.531.286.478	18.736.455.489	18.736.455.489
Công ty Cổ phần Lilama 18	22.264.436.962	22.264.436.962	20.026.995.611	20.026.995.611
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DAE AH	16.507.722.494	16.507.722.494	-	-
Khác	158.653.850.604	158.653.850.604	165.791.961.714	165.791.961.714
Cộng	600.197.455.790	600.197.455.790	408.332.048.224	408.332.048.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Bên liên quan	55.605.740.358	47.207.091.708
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	45.291.822.529	37.303.173.879
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	9.903.917.829	9.903.917.829
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	410.000.000	-
b) Đối tượng khác	31.439.264.136	96.005.580.005
Công ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	30.692.445.809	95.291.936.043
Khác	746.818.327	713.643.962
Cộng	87.045.004.494	143.212.671.713

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí thi công các dự án	110.470.277.026	227.352.112.176
Phi bản quyền nhãn hiệu PVN	1.125.779.168	1.125.779.168
Chi phí lãi vay	269.274.071	192.534.491
Cộng	111.865.330.265	228.670.425.835

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.958.570.528	16.023.541.676
Kinh phí công đoàn	5.804.507.097	5.144.335.697
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9.395.264.495	247.855.145
Phải trả cổ tức cho cổ đông	36.203.277	36.203.277
Lãi vay phải trả	5.040.611.375	4.564.141.289
Các quỹ ủng hộ	2.788.465.999	2.553.527.879
Khác	3.893.518.285	3.477.478.389
b) Dài hạn	876.626.400	774.188.400
Nhận ký quỹ, ký cược	876.626.400	774.188.400
Cộng	27.835.196.928	16.797.730.076

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số cơ khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số cơ khả năng trả nợ VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	120.279.267.267	120.279.267.267	245.629.206.664	(229.405.979.319)	136.502.494.612	136.502.494.612
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	69.998.728.109	69.998.728.109	241.134.635.166	(206.940.754.298)	104.192.608.977	104.192.608.977
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	9.646.914.651	9.646.914.651	-	(9.646.914.651)	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	9.245.862.341	9.245.862.341	2.964.086.877	(5.424.086.877)	6.785.862.341	6.785.862.341
Vay cá nhân (iii)	28.148.611.064	28.148.611.064	-	(5.685.557.023)	22.463.054.041	22.463.054.041
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	3.239.151.102	3.239.151.102	1.530.484.621	(1.708.666.470)	3.060.969.253	3.060.969.253
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (iv)	1.530.484.621	1.530.484.621	-	(1.530.484.621)	-	-
<i>b) Vay dài hạn</i>	1.530.484.621	1.530.484.621	-	(1.530.484.621)	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (iv)	1.530.484.621	1.530.484.621	-	(1.530.484.621)	-	-
Cộng	121.809.751.888	121.809.751.888	245.629.206.664	(230.936.463.940)	136.502.494.612	136.502.494.612

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cấp tín dụng số 16084.21.551.936443.TD ngày 31/3/2021 và văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 16084.21.551.936443.TD.PL01 ngày 04/6/2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động thực hiện gói thầu A2 "Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết" của dự án tổ hợp LSP theo hợp đồng số LSP-CA-147 ký ngày 25/6/2018. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/3/2022, lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ. Công ty đã sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc của khu phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14).

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng số 51/21/HĐHM-9232 ngày 25/5/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ/52/1/HĐHM-9232 ngày 25/5/2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành/hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và đối tác là Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro.

(iii) Khoản vay từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, chịu lãi suất từ 6%/năm đến 18%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DÀU KHÍ
Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Bình,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

MÃ SỐ B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 01/4/2016 và Phụ lục số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS-HĐTDDA/NHCT880-PXS-PL01 ngày 01/11/2016 với số tiền cam kết cho vay là 166.698.000.000 VND dùng thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí Sao Mai - Bến Đình giai đoạn II - Phần kỳ 3, thời hạn cho vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân 14/4/2016 đến ngày 11/4/2022, lãi suất vay 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 880/GHTD/16101004-PVC-MS; Hợp đồng thế chấp số 880/GHTD/16101005-PVC-MS và Hợp đồng thế chấp số 880/GHTD/16101006-PVCMS.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(367.872.276.112)	337.637.998.220
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.386.037.370	3.386.037.370
Số dư đầu kỳ này	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(364.486.238.742)	341.024.035.590
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.365.086.814	2.365.086.814
Số dư cuối kỳ này	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(362.121.151.928)	343.389.122.404

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.998	59.999.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	59.999.998	59.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3500834094 thay đổi lần thứ 13 ngày 06/7/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2021, chi tiết vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí VN (PVC)	305.845.330.000	50,97%	305.845.330.000	50,97%
Công ty TNHH Mepcorn Offshore & Marine	60.000.000.000	10,00%	60.000.000.000	10,00%
Cổ đông khác	234.154.650.000	39,03%	234.154.650.000	39,03%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Cộng	600.000.000.000	100,00%	600.000.000.000	100,00%

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ		
Đó la Mỹ (USD)	5.870,73	22.402,53
Nợ khó đòi đã xử lý (Không thu hồi được)		
Phải thu khách hàng	1.071.178.245	1.071.178.245
Các khoản trả trước, tạm ứng	324.610.523	324.610.523
Cộng	1.395.788.768	1.395.788.768

23. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động cung cấp dịch vụ xây lắp chuyên ngành công nghiệp dầu khí cho các dự án khai thác, vận chuyển, tàng trữ và chế biến dầu khí chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ xây lắp chuyên ngành công nghiệp dầu khí nằm trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

24. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	523.477.566.495	461.183.206.089
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.779.557.051	15.556.126.368
<i>Trong đó: Doanh thu cho thuê bất động sản</i>	<i>1.295.213.608</i>	<i>1.432.133.242</i>
Doanh thu thuần	556.257.123.546	476.739.332.457
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>21.130.631.660</i>	<i>26.976.176.347</i>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	9.656.846.331	27.996.279.600
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	6.142.478.134	-
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	-	(1.105.022.813)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	3.044.345.621	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	1.880.922.750	-
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	263.217.950	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	90.742.924	30.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	52.077.950	54.919.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	507.108.203.585	439.548.315.834
Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.366.210.339	11.749.468.488
Trong đó: Giá vốn cho thuê bất động sản	947.125.538	490.343.798
Giá vốn khác	(80.183.124)	-
Cộng	537.394.230.800	451.297.784.322

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.752.802.514	132.869.546.156
Chi phí nhân công	83.052.075.053	71.485.203.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.391.434.690	26.368.882.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.200.139.639	328.841.914.400
Chi phí khác	12.561.956.803	2.775.110.881
Cộng	567.958.408.699	562.340.657.574

27. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	519.046.875	211.236.617
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.880.520	244.848.558
Cộng	536.927.395	456.085.175

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.169.671.918	4.871.128.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá	97.851.407	45.011.589
Cộng	5.267.523.325	4.916.140.542

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.058.196.750	8.186.509.190
Chi phí đồ dùng văn phòng	427.482.489	318.942.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.036.161.383	1.996.188.168
Thuế, phí và lệ phí	5.504.299	3.000.000
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng	(799.548.921)	5.600.749.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.392.685.360	1.712.307.431
Các khoản chi phí khác	2.705.840.612	1.899.652.247
Cộng	13.826.321.972	19.717.349.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.365.086.814	594.776.851
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.365.086.814)	(594.776.851)
Cộng: Chi phí không được trừ	606.330.212	268.985.416
Cộng: Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu kỳ này	327.798	32.049.782
Trừ: Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu năm trước	(33.201.984)	(14.432.441)
Trừ: Lãi từ doanh thu chưa thực hiện từ thuê mua tài chính (đã tính thuế năm 2017)	(48.172.305)	(73.777.663)
Trừ: Chi phí không được khấu trừ của các năm trước	(2.890.370.535)	(807.601.945)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Điều chỉnh Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	-	(1.307.287.569)
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.307.287.569)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	2.365.086.814	1.902.064.420
Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.365.086.814	1.902.064.420
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.999.998	59.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	32
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	136.502.494.612	121.809.751.888
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(178.556.755.911)	(65.662.030.920)
Nợ thuần	-	56.147.720.968
Vốn chủ sở hữu	343.389.122.404	341.024.035.590
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong đương tiền	178.556.755.911	178.556.755.911	65.662.030.920	65.662.030.920
Phải thu khách hàng	153.374.860.090	153.374.860.090	212.986.586.570	212.986.586.570
Phải thu khác	7.176.040.685	7.176.040.685	7.976.830.654	7.976.830.654
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Tổng cộng	339.157.656.686	339.157.656.686	286.675.448.144	286.675.448.144
Công nợ tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	136.502.494.612	136.502.494.612	121.809.751.888	121.809.751.888
Phải trả người bán	600.197.455.790	600.197.455.790	408.332.048.224	408.332.048.224
Chi phí phải trả	110.470.277.026	110.470.277.026	227.352.112.176	227.352.112.176
Phải trả khác	8.970.332.937	8.970.332.937	8.077.647.087	8.077.647.087
Tổng cộng	856.140.560.365	856.140.560.365	765.571.559.375	765.571.559.375

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

46
TNI
M
A
PT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.556.755.911	-	-	178.556.755.911
Phải thu khách hàng	153.374.860.090	-	-	153.374.860.090
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
Phải thu khác	7.171.040.685	5.000.000	-	7.176.040.685
Tổng cộng	339.102.656.686	5.000.000	50.000.000	339.157.656.686
Số cuối kỳ				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	136.502.494.612	-	-	136.502.494.612
Phải trả người bán	600.197.455.790	-	-	600.197.455.790
Chi phí phải trả	110.470.277.026	-	-	110.470.277.026
Phải trả khác	8.093.706.537	876.626.400	-	8.970.332.937
Tổng cộng	855.263.933.965	876.626.400	-	856.140.560.365
Chênh lệch thanh khoản thuần	(516.161.277.279)	(871.626.400)	50.000.000	(516.982.903.679)
	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.662.030.920	-	-	65.662.030.920
Phải thu khách hàng	212.986.586.570	-	-	212.986.586.570
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
Phải thu khác	7.971.830.654	5.000.000	-	7.976.830.654
Tổng cộng	286.620.448.144	5.000.000	50.000.000	286.675.448.144
Số đầu kỳ				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	120.279.267.267	1.530.484.621	-	121.809.751.888
Phải trả người bán	408.332.048.224	-	-	408.332.048.224
Chi phí phải trả	227.352.112.176	-	-	227.352.112.176
Phải trả khác	7.303.458.687	774.188.400	-	8.077.647.087
Tổng cộng	763.266.886.354	2.304.673.021	-	765.571.559.375
Chênh lệch thanh khoản thuần	(476.646.438.210)	(2.299.673.021)	50.000.000	(478.896.111.231)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 05, 06, 08, 16, 17, 21 và 24; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Mua hàng	21.260.997.864	7.869.791.868
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí	11.283.916.201	390.803.443
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	4.255.258.377	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.153.675.910	1.757.323.184
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến đĩnh	1.890.356.733	2.297.650.778
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	854.953.726	1.934.014.003
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	266.398.538	446.893.767
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	231.600.000	-
Ban điều hành dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	155.744.309	275.464.613
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	105.283.154	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	41.992.735	-
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	21.818.181	21.818.181
Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt nam	-	137.703.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	58.896.459
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	236.951.715
Viện Dầu khí Việt Nam	-	306.818.180
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	-	5.454.545

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ:

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	(Trình bày lại) VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị		381.973.000	377.387.000
Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch	201.973.000	197.387.000
Ông Lâm Hậu Guan	Thành viên	60.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	60.000.000	-
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên	60.000.000	-
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	-	45.000.000
Ông Vũ Minh Công	Thành viên	-	45.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.267.180.221	779.979.000
Ông Đinh Văn Tân	Giám đốc	179.901.000	95.102.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	168.113.000	165.360.000
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc	168.113.000	166.552.000
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	167.219.000	-
Ông Phan Khắc Mẫn	Phó Giám đốc	146.333.000	-
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc	437.501.221	-
Ông Trần Sỹ Huấn	Phó Giám đốc	-	166.552.000
Ông Trần Vũ Phương	Quyền Giám đốc	-	186.413.000
Cộng		1.649.153.221	1.157.366.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi thanh toán lãi vay trong kỳ không bao gồm 1.014.732.583 VND là số tiền dùng để thanh toán lãi vay trong kỳ mà chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 461.522.917 VND là số tiền lãi năm trước đã thanh toán trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi dự thu trong kỳ không bao gồm 49.307.994 VND là số tiền lãi phải thu trong kỳ mà chưa thu được nhưng đã bao gồm 22.064.503 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.

36. THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như các chính sách vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao của các chủ đầu tư.



Đinh Văn Tân
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Phạm Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu